

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG 2
(Kèm theo Thông báo số 99 /TB-HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2023)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
I	Chuyên ngành Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, kinh doanh quốc tế							
1	Nguyễn Hoàng Bảo An	25/8/2001	Kinh	0001	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
2	Dương Quỳnh Anh	26/10/1997	Kinh	0002	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
3	Lê Hải Anh	23/7/2000	Kinh	0003	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
4	Lê Khải Anh	11/01/1999	Kinh	0004	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực IX	
5	Mai Duy Anh	22/6/1995	Kinh	0005	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
6	Mai Kiều Anh	05/8/1996	Kinh	0006	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
7	Nguyễn Hữu Duy Anh	24/8/1998	Kinh	0007	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
8	Nguyễn Đức Anh	31/3/1993	Kinh	0008	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
9	Nguyễn Đình Lan Anh	05/9/2001	Kinh	0009	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
10	Nguyễn Nam Anh	18/02/1998	Kinh	0010	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
11	Nguyễn Thị Tường Anh	06/3/2000	Kinh	0011	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
12	Phạm Bùi Cẩm Anh	09/10/1994	Kinh	0012	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
13	Phan Thế Anh	09/02/1997	Kinh	0013	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
14	Trần Thị Hồng Bích	10/12/1995	Kinh	0014	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
15	Nguyễn Hải Bình	08/02/1995	Kinh	0015	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế	
16	Nguyễn Hoàng Linh Chi	10/01/1997	Kinh	0016	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
17	Phạm Ngọc Lan Chi	27/11/2001	Kinh	0017	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
18	Phạm Việt Cường	17/9/1999	Kinh	0018	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
19	Trần Minh Cường	20/9/1996	Kinh	0019	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
20	Đào Thị Diễm	26/12/1996	Kinh	0020	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
21	Mai Thùy Dung	04/3/1997	Kinh	0021	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
22	Nguyễn Thị Phương Dung	22/10/2000	Kinh	0022	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
23	Vũ Thùy Dung	15/01/2000	Kinh	0023	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
24	Lê Quang Dũng	07/10/2001	Kinh	0024	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
25	Nguyễn Thị Dương	08/4/1987	Kinh	0025	01	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
26	Trần Lê Thùy Dương	14/11/2000	Kinh	0026	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
27	Tán Anh Đa	14/8/1998	Kinh	0027	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
28	Ngô Minh Đạt	22/01/1999	Kinh	0028	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
29	Nguyễn Thành Đạt	13/10/2000	Kinh	0029	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
30	Nguyễn Gia Đôn	01/7/1999	Kinh	0030	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
31	Dương Khắc Đông	15/10/1994	Kinh	0031	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
32	Trần Minh Đức	28/01/1996	Kinh	0032	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
33	Lê Hoàng Giang	01/8/1992	Kinh	0033	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	
34	Lê Hương Giang	23/7/2000	Kinh	0034	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
35	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13/12/1990	Kinh	0035	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
36	Nguyễn Thị Hà Giang	12/3/2000	Kinh	0036	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
37	Phạm Trường Giang	03/01/2000	Kinh	0037	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
38	Hoàng Hà	28/5/1998	Kinh	0038	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT	
39	Lê Ngân Hà	23/01/1999	Kinh	0039	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
40	Trần Việt Hà	08/7/2000	Kinh	0040	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
41	Nguyễn Ngọc Hải	15/6/1993	Kinh	0041	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	Con Bệnh binh
42	Nguyễn Thị Ngọc Hải	24/4/2000	Kinh	0042	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
43	Nguyễn Anh Hào	26/01/1989	Kinh	0043	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
44	Nguyễn Thu Hằng	29/7/1993	Kinh	0044	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
45	Đặng Thị Thu Hiền	20/10/1996	Kinh	0045	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
46	Bùi Trung Hiếu	31/7/1997	Kinh	0046	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
47	Vũ Minh Hiếu	06/12/1997	Kinh	0047	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
48	Nguyễn Anh Hoàng	04/9/1990	Kinh	0048	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
49	Nguyễn Minh Hoàng	05/7/2000	Kinh	0049	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT	
50	Nguyễn Việt Hoàng	18/01/1999	Kinh	0050	02	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
51	Vũ Tuyên Hoàng	01/02/1993	Kinh	0051	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
52	Nguyễn Đức Đình Huân	15/01/1988	Kinh	0052	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	
53	Đào Hùng	26/10/2000	Kinh	0053	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
54	Đào Huy Hùng	10/01/2000	Kinh	0054	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
55	Nguyễn Mạnh Hùng	12/3/2000	Kinh	0055	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
56	Nguyễn Tuấn Hùng	28/9/1999	Kinh	0056	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	
57	Trần Nguyên Hùng	14/7/1995	Kinh	0057	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
58	Trịnh Thanh Hùng	18/5/1993	Kinh	0058	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
59	Phạm Quốc Huy	06/01/1992	Kinh	0059	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
60	Huỳnh Thị Kiều Huyền	01/3/1989	Kinh	0060	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
61	Vũ Phương Huyền	19/9/1998	Kinh	0061	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
62	Khổng Việt Hưng	23/01/2000	Kinh	0062	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
63	Trần Hoài Hưng	20/7/1991	Kinh	0063	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
64	Bùi Thu Hương	05/10/1990	Mường	0064	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	Dân tộc thiểu số
65	Mai Thị Thanh Hương	22/12/1999	Kinh	0065	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
66	Phạm Thu Hương	02/01/1993	Kinh	0066	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
67	Lưu Thúy Hường	03/01/1998	Kinh	0067	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
68	Trần Xuân Hữu	15/8/1995	Kinh	0068	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
69	Phan Nhật Khánh	08/7/1999	Kinh	0069	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
70	Nguyễn Nam Khoa	16/9/1995	Kinh	0070	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
71	Hoàng Minh Khuê	03/10/1999	Kinh	0071	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
72	Lê Trung Kiên	06/5/1995	Kinh	0072	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
73	Nguyễn Thị Hồng Lam	25/02/1998	Kinh	0073	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
74	Đào Thị Lành	19/9/1988	Kinh	0074	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	
75	Đặng Tùng Lâm	19/10/1995	Kinh	0075	03	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
76	Trần Quang Lâm	29/9/2001	Kinh	0076	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
77	Trịnh Khánh Linh	16/11/1994	Kinh	0077	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
78	Trịnh Khánh Linh	29/9/2000	Kinh	0078	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế	Con Thương binh
79	Cao Thành Long	01/12/1994	Kinh	0079	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
80	Nguyễn Hoàng Long	21/01/2001	Kinh	0080	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
81	Nguyễn Đức Lương	07/9/2000	Kinh	0081	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
82	Đặng Quỳnh Mai	13/9/1991	Kinh	0082	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế	
83	Trần Thị Hoàng Mai	14/11/2000	Kinh	0083	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
84	Trần Thị Phương Mai	23/02/2000	Kinh	0084	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
85	Lý Đức Mạnh	27/02/1999	Kinh	0085	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
86	Nguyễn Đình Mạnh	12/8/1990	Kinh	0086	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
87	Phạm Nhật Minh	27/10/1996	Kinh	0087	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
88	Nguyễn Thị Trà My	09/10/1995	Kinh	0088	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
89	Phan Nguyễn Thiện Mỹ	03/10/1995	Kinh	0089	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
90	Đào Văn Nam	20/9/1997	Kinh	0090	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
91	Đỗ Thị Phương Nam	14/12/1989	Kinh	0091	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
92	Hoàng Hoài Nam	12/7/1992	Kinh	0092	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
93	Nguyễn Đình Nam	28/11/1993	Kinh	0093	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
94	Nguyễn Ngô Phương Nam	18/5/1991	Kinh	0094	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực IX	
95	Nguyễn Việt Nam	31/8/2000	Kinh	0095	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
96	Lê Mỹ Nga	03/12/2001	Kinh	0096	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
97	Đào Mạnh Nghĩa	12/8/1998	Kinh	0097	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
98	Nguyễn Đăng Nghĩa	08/3/1997	Kinh	0098	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
99	Trần Trọng Nghĩa	13/8/1991	Kinh	0099	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
100	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01/10/1999	Kinh	0100	04	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
101	Nguyễn Phạm Tây Nguyên	26/12/1997	Kinh	0101	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
102	Đoàn Trần Trọng Nhân	26/01/1998	Kinh	0102	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
103	Nguyễn Đức Nhật	20/10/2000	Kinh	0103	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
104	Hồ Thị Ý Nhi	12/4/1997	Kinh	0104	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
105	Đỗ Hồng Nhung	29/11/1999	Kinh	0105	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
106	Nguyễn Hiền Ninh	20/7/1999	Kinh	0106	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
107	Thiều Quang Phát	12/5/2001	Kinh	0107	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
108	Lê Duy Phú	05/11/1993	Kinh	0108	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
109	Hà Mai Phương	15/5/1996	Kinh	0109	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
110	Hồ Thu Phương	20/12/1999	Kinh	0110	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
111	Trần Thu Phương	19/12/1990	Kinh	0111	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT	
112	Lại Đăng Quang	08/7/2000	Kinh	0112	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
113	Nguyễn Tiến Quang	23/12/2001	Kinh	0113	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
114	Trần Minh Quốc	04/02/1992	Hán	0114	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	Dân tộc thiểu số
115	Dương Hoàng Sơn	07/9/1999	Kinh	0115	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
116	Nguyễn Hồng Sơn	03/8/2000	Kinh	0116	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
117	Lưu Vĩnh Tâm	28/8/1994	Kinh	0117	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
118	Nguyễn Thị Tâm	09/01/1991	Kinh	0118	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
119	Vũ Ngọc Thành	23/10/1991	Kinh	0119	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
120	Đỗ Phương Thảo	04/02/2000	Kinh	0120	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT	
121	Hồ Minh Thảo	07/12/1999	Kinh	0121	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
122	Bùi Đức Thắng	27/5/1996	Mường	0122	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	Dân tộc thiểu số
123	Nông Đức Thắng	10/5/1995	Tày	0123	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	Dân tộc thiểu số
124	Nguyễn Thị Thơm	20/02/1992	Kinh	0124	05	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	
125	Vũ Bá Thức	23/9/1992	Kinh	0125	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
126	Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	Kinh	0126	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
127	Nguyễn Võ Tiến	14/7/1997	Kinh	0127	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XII	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
128	Phạm Quốc Toàn	02/3/1999	Kinh	0128	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ HTQT	
129	Hoàng Thị Thu Trang	27/12/1999	Kinh	0129	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
130	Lê Thị Đào Trang	12/10/1992	Kinh	0130	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
131	Mai Thị Hà Trang	05/01/1999	Kinh	0131	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
132	Trần Thị Kiều Trang	25/6/1989	Kinh	0132	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực V	
133	Ngô Minh Trí	10/6/2001	Kinh	0133	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	
134	Đặng Quang Trung	14/3/1996	Kinh	0134	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực XIII	Con Bệnh binh
135	Võ Ngọc Tú	19/02/1990	Kinh	0135	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
136	Nguyễn Anh Tuấn	01/5/1996	Kinh	0136	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực III	
137	Phùng Minh Tuấn	06/7/1998	Kinh	0137	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
138	Phạm Thanh Tùng	25/02/1994	Kinh	0138	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
139	Tạ Tương Tùng	29/08/1999	Kinh	0139	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực VI	
140	Phạm Công Tuyển	16/12/2000	Kinh	0140	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
141	Trần Hà Vi	06/12/2000	Kinh	0141	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	
142	Ngô Quốc Việt	29/8/1997	Kinh	0142	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
143	Trịnh Xuân Việt	01/4/1996	Kinh	0143	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Khu vực I	
144	Chu Bá Vinh	15/11/2000	Kinh	0144	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	
145	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	27/4/1998	Kinh	0145	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
146	Phan Huy Vũ	05/9/2000	Kinh	0146	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	Khu vực IV	
147	Nguyễn Đăng Vụ	20/4/1992	Kinh	0147	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành II	
148	Hoàng Thị Yến	03/4/1995	Kinh	0148	06	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Chuyên ngành Ib	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
II Chuyên ngành XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc								
149	Nguyễn Thị Thu An	10/3/1997	Kinh	0149	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II	
150	Lê Công Tuấn Anh	06/9/1994	Kinh	0150	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế	
151	Nguyễn Hữu Bình	19/11/1997	Kinh	0151	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp	
152	Nguyễn Chiến	10/5/1992	Kinh	0152	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib	
153	Lê Cường	25/5/1992	Kinh	0153	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	Con Thương binh
154	Phạm Văn Điền	03/11/1990	Kinh	0154	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II	Con Thương binh
155	Nguyễn Thị Phương Giang	08/3/1998	Kinh	0155	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp	
156	Nguyễn Văn Hải	09/12/1992	Kinh	0156	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
157	Phạm Tuyên Huân	13/12/1990	Kinh	0157	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
158	Mạc Thị Hồng Huệ	05/12/1996	Kinh	0158	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế	
159	Khuất Diệu Huyền	16/9/1998	Kinh	0159	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Tổng hợp	
160	Trần Trung Kiên	08/6/1987	Kinh	0160	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
161	Nguyễn Thanh Lên	20/6/1993	Kinh	0161	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
162	Ngô Yến Linh	07/3/2000	Kinh	0162	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
163	Hoàng Duy Long	03/8/2000	Kinh	0163	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực I	
164	Lại Văn Nam	05/10/1998	Kinh	0164	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	
165	Lê Thị Mỹ Nhung	24/12/1988	Kinh	0165	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	
166	Hoàng Hải Ninh	13/11/1999	Kinh	0166	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
167	Cao Trần Thúy Phương	19/9/1992	Kinh	0167	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	
168	Vũ Quân	08/4/1998	Kinh	0168	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	
169	Lê Trọng Tạo	04/8/1991	Kinh	0169	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực XII	
170	Nguyễn Chiến Thắng	22/3/1992	Kinh	0170	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực VI	
171	Tạ Văn Thi	23/9/1991	Kinh	0171	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib	
172	Trần Quốc Thịnh	10/7/1994	Kinh	0172	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực XII	
173	Bùi Thu Trang	28/3/1993	Kinh	0173	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành II	
174	Lê Văn Trinh	01/10/1992	Kinh	0174	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Khu vực III	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
175	Nguyễn Đức Tùng	20/6/1993	Nùng	0175	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Chuyên ngành Ib	Dân tộc thiểu số; Con Thương binh
176	Nguyễn Hữu Việt	28/6/1990	Kinh	0176	07	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế	
III	Chuyên ngành Luật Kinh tế, Luật Hành chính							
177	Trần Thị Ngọc Ánh	14/10/1996	Kinh	0177	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
178	Lê Minh Hằng	13/3/1997	Mường	0178	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	Dân tộc thiểu số
179	Nguyễn Thị Tú Khang	02/02/1997	Kinh	0179	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
180	Nguyễn Ánh Linh	05/11/1997	Kinh	0180	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực VI	
181	Phan Tấn Lộc	23/9/1996	Kinh	0181	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực IV	
182	Nguyễn Khánh Ly	19/3/1997	Kinh	0182	08	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	
183	Hoàng Minh Quân	02/6/2000	Kinh	0183	08	Luật kinh tế, Luật hành chính	Khu vực VI	
IV	Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường							
184	Vũ Thị Phương Anh	05/5/2001	Kinh	0184	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III	
185	Đặng Vũ Quý Đắc	28/7/1999	Kinh	0185	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III	
186	Đinh Thị Hà	01/10/1990	Kinh	0186	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II	
187	Chu Trọng Hiệp	10/9/1990	Kinh	0187	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI	
188	Vũ Huy Huân	30/9/2000	Kinh	0188	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III	
189	Vũ Trường Huy	09/4/2001	Kinh	0189	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II	
190	Đỗ Ngọc Linh	21/9/1998	Kinh	0190	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành II	
191	Tăng Thị Kiều Loan	12/8/1994	Kinh	0191	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI	
192	Nguyễn Minh Ngọc	23/9/1992	Kinh	0192	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	SBD	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Ghi chú
193	Tô Duy Tiến	15/8/1993	Kinh	0193	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên ngành III	
194	Bùi Anh Tuấn	22/8/1997	Kinh	0194	08	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khu vực VI	
V	Chuyên ngành Công nghệ thông tin							
195	Lê Nguyễn Duy Long	16/3/2000	Kinh	0195	08	Công nghệ thông tin	Khu vực V	
196	Nguyễn Duy Vương	14/01/1990	Kinh	0196	08	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành II	